TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 174/2021/QĐST-HNGĐ	*Đ, ngày 06 tháng 8 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 250/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn T** – sinh năm: 1977

Nơi cư trú: Khu hành chính H, thị trấn ĐH, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị X** – sinh năm: 1978

Nơi cư trú: Khu hành chính H, thị trấn ĐH, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2021.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị X trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Như N, sinh ngày 04/11/2003 và cháu Nguyễn Ngọc A, sinh ngày 05/05/2010, anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị X. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Diện tích đất 1686m^2 tại thửa số: 67, tờ bản đồ số: 05, địa chỉ: khu H, thị trấn Đ, huyện Đ đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/6/2012 số: BL 068180 đứng tên ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị X (qua đo đạc thực tế diện tích đất trên còn 1565,7m^2) và 01 nhà xây cấp IV, 01 nhà vệ sinh, chuồng lợn, sân, hệ thống tường rào cùng cây cối hoa màu trên đất là tài sản chung của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị X.

Qua kiểm tra đo đạc hiện trạng thực tế diện tích đất trên hiện còn 1565,7m^2 ít hơn diện tích nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 120,3m^2 nhưng các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án làm rõ diện tích đất còn thiếu mà đề nghị Tòa án phân chia diện tích đất 1565,7m^2 và tài sản trên đất với tổng giá trị khoảng 300.000.000 đồng như sau:

+ Anh T được sử dụng diện tích đất 765,7m^2 (bao gồm 100m^2 đất ở và 665,7m^2 đất LNK) theo chỉ giới: 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 41, 42, 43, 44, 45, 20 và toàn bộ tài sản trên đất (có sơ đồ kèm theo).

+ Chị X được sử dụng diện tích đất 800m^2 (bao gồm 100m^2 đất ở và 700m^2 đất LNK) theo chỉ giới: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 45, 44, 43, 42, 41, 39, 40, 1 và 01 nhà xây cấp IV, 01 nhà vệ sinh, chuồng lợn, sân, hệ thống tường rào, cây cối hoa màu trên đất (có sơ đồ kèm theo).

Không ai phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho ai.

- Về vay nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm:

Miễn án phí chia tài sản chung cho anh T và chị X do thuộc trường hợp: đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án, quyết định trước khi Tòa án tiến hành hòa giải.

Anh Nguyễn Văn T nộp cả 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai số: AA/2020/0002181 ngày 12/5/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Hoàn lại cho anh T 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng).*

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án thep quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;
- UBND thị trấn ĐH;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Anh Tuấn